

Phương pháp giảng dạy các môn học kỹ năng báo chí: Tiếp cận từ lý thuyết khuếch tán đổi mới và lý thuyết học tập xã hội

Trần Thị Phương Nhung

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

TÓM TẮT

Nâng cao năng lực cho sinh viên trong các môn học kỹ năng thực hành để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động hiện nay là vấn đề được các cơ sở đào tạo báo chí đặc biệt quan tâm. Bài báo đã tiến hành tìm hiểu thực trạng và nhu cầu của sinh viên hiện nay. Bên cạnh đó, xuất phát từ góc độ tiếp cận bằng hai lý thuyết: Lý thuyết khuếch tán đổi mới và lý thuyết học tập xã hội, bài báo đã phân tích đặc điểm của các nhóm sinh viên, những yêu cầu trong quá trình học tập từ đó đề xuất áp dụng các phương pháp giảng dạy các môn kỹ năng cho sinh viên ngành báo chí.

Từ khóa: kỹ năng báo chí, lý thuyết khuếch tán đổi mới, lý thuyết học tập xã hội, phương pháp giảng dạy

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang chứng kiến sự thay đổi vượt bậc của tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (cách mạng công nghiệp 4.0). Với nền tảng ứng dụng công nghệ, khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo phục vụ sản xuất và cuộc sống con người, cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) đang tạo ra nhiều cơ hội cũng như những thách thức mới song hành buộc các ngành nghề cũng như người lao động không ngừng phải thay đổi và điều chỉnh cho phù hợp. Báo chí và người làm báo Việt Nam dưới tác động của CMCN 4.0 cũng có những biến đổi căn bản và toàn diện để đáp ứng với tình hình phát triển chung cũng như nhu cầu của công chúng. Điều này đòi hỏi việc đào tạo báo chí cũng cần phải thay đổi cả về nội dung và phương pháp giảng dạy nhằm bắt kịp với những bước tiến của xã hội.

Thực tế đào tạo cho thấy, những năm trở lại đây, các cơ sở đào tạo báo chí đã không ngừng cải tiến chương trình đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập cũng từng bước được trang cấp hiện đại, đáp ứng cơ bản nhu cầu của giảng viên và sinh viên. Tuy nhiên, rõ ràng, sự phát triển như vũ bão của xã hội nhất là trong lĩnh vực công nghệ và thông tin đã tạo ra khoảng cách

không nhỏ giữa lý luận và thực tiễn, gây khó khăn cho cả người dạy và người học. Để rút ngắn khoảng cách này, cũng như giúp cho sinh viên thực sự được trang bị những hành trang cần thiết, phương pháp giảng dạy các môn học kỹ năng nghề nghiệp trong nhà trường đã có những đổi mới phù hợp hơn với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp của sinh viên ngành báo chí.

Trong bài báo này, từ góc độ tiếp cận lý thuyết học tập xã hội của Albert Bandura và Lý thuyết khuếch tán đổi mới được phát triển bởi Everett Rogers, tác giả sẽ phân tích và đưa ra những định hướng cho phương pháp giảng dạy các môn kỹ năng báo chí cho sinh viên tại các cơ sở đào tạo báo chí Việt Nam hiện nay [1].

2. NỘI DUNG

2.1. Các môn học giảng dạy kỹ năng báo chí

Kỹ năng báo chí là tập hợp những năng lực và khả năng cần thiết để làm việc trong lĩnh vực báo chí và truyền thông. Đây là những kỹ năng mà các nhà báo cần phải có để thu thập thông tin, phân tích sự kiện, viết bài báo, và truyền tải thông tin một cách hiệu quả và chính xác đến công chúng. Để có được những kỹ năng này, người học tại các cơ sở đào tạo báo chí cần phải được tiếp cận rất nhiều các môn học, bên cạnh những nền tảng lý thuyết cơ bản,

Tác giả liên hệ: ThS. Trần Thị Phương Nhung

Email: tranthiphuongnung@husc.edu.vn

người học cần được giảng dạy và thực hành các hoạt động nghề nghiệp ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Các môn giảng dạy thực hành kỹ năng báo chí thường bao gồm các môn sau đây:

- *Kỹ năng viết tin tức và bài báo*: Môn học này tập trung vào việc thực hành viết các bài báo và tin tức truyền thông. Sinh viên sẽ học cách viết báo cáo, tin tức nhanh, bài phân tích, và các loại hình báo cáo khác dựa trên các sự kiện thực tế.
- *Kỹ năng phỏng vấn và giao tiếp*: Môn học này giúp sinh viên phát triển kỹ năng phỏng vấn hiệu quả và giao tiếp trong ngành báo chí. Sinh viên sẽ được thực hành phỏng vấn người chủ đề, xây dựng câu hỏi phỏng vấn, và cách thức thực hiện phỏng vấn trên nhiều phương tiện truyền thông.
- *Kỹ năng biên tập và xuất bản*: Môn học này tập trung vào việc sửa chữa bài báo, lựa chọn nội dung, cắt ghép và sắp xếp bố cục cho các nội dung xuất bản. Sinh viên sẽ học cách biên tập và quản lý nội dung để đảm bảo tính chính xác và hấp dẫn của bài viết.
- *Kỹ năng sản xuất các sản phẩm trên các phương tiện như phát thanh, truyền hình và các nền tảng truyền thông số (digital media)*: Môn học này tập trung hướng dẫn sinh viên các kỹ năng như: **Lập kế hoạch và tổ chức; Biên kịch và viết kịch bản; Sản xuất và chỉ đạo dàn dựng; Sử dụng công nghệ và thiết bị sản xuất; Quản lý thời gian và ngân sách; Quản lý khủng hoảng; Đạo diễn và chỉ đạo sản xuất.**
- *Kỹ năng điều tra và phóng sự*: Môn học này giúp sinh viên nắm vững các kỹ năng và kỹ thuật để thực hiện các phóng sự và điều tra, từ việc thu thập thông tin, phân tích dữ liệu đến viết báo cáo và trình bày kết quả.
- *Kỹ năng truyền thông và quan hệ công chúng*: Môn học này dạy các kỹ năng quản lý và thực hiện chiến lược truyền thông, bao gồm cả quản lý khủng hoảng truyền thông và quan hệ với công chúng. Sinh viên sẽ học cách xây dựng chiến lược truyền thông hiệu quả và cách thức giải quyết các vấn đề truyền thông khác nhau.

Các môn giảng dạy thực hành này giúp sinh viên báo chí có thể rèn luyện và phát triển những kỹ năng cụ thể và cần thiết cho công việc thực tế trong ngành truyền thông và báo chí.

2.2. Mục tiêu giảng dạy và yêu cầu về phương pháp giảng dạy các môn học kỹ năng báo chí

Đối với các môn học thực hành kỹ năng nghề nghiệp, chương trình đào tạo của mỗi cơ sở đào tạo đều có những yêu cầu cụ thể về phương pháp giảng dạy của giáo viên và chuẩn đầu ra mỗi môn học dành cho sinh viên. Sau khi kết thúc môn học, giảng viên sẽ so sánh kết quả kết thúc môn học của sinh với chuẩn đầu ra để đánh giá mức độ hoàn thành môn học của sinh viên. Ngược lại, sinh viên sẽ có những nhận xét, đánh giá về phương pháp giảng dạy của giảng viên có phù hợp với môn học và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo hay không. Việc quy định chuẩn đầu ra càng cụ thể, càng tiệm cận với yêu cầu của thị trường lao động thì việc lựa chọn phương pháp giảng dạy và đánh giá năng lực của sinh viên càng chính xác.

Về mục tiêu môn học, chuẩn đầu ra được đưa ra trong đề cương môn học bao gồm đầy đủ yêu cầu về: thái độ, trình độ và kỹ năng. Mỗi giảng viên sẽ có những yêu cầu riêng về chuẩn đầu ra và cách thức đánh giá kết quả của sinh viên. Tuy nhiên, đối với những môn học kỹ năng thực hành báo chí, yêu cầu chung về chuẩn đầu ra phải là hiểu đúng về kỹ năng đó và có khả năng thực hiện kỹ năng trong quá trình tác nghiệp, đánh giá cụ thể thông qua sản phẩm mà sinh viên thực hiện được.

Để có thể thực hiện được mục tiêu đó, giảng viên cần có những phương pháp giảng dạy phù hợp để không chỉ truyền tải kiến thức và còn rèn luyện kỹ năng, đam mê nghề nghiệp cho sinh viên. Phương pháp giảng dạy các môn học kỹ năng báo chí thường cần có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành để đảm bảo sinh viên có thể áp dụng được kiến thức vào thực tế. Một số những yêu cầu về phương pháp giảng dạy đối với các môn học thực hành kỹ năng báo chí [2-3]:

- **Thứ nhất, tích cực tham gia thực hành**: Các môn học kỹ năng báo chí thường đòi hỏi sinh viên phải tham gia vào các hoạt động thực hành như viết bài, phỏng vấn, biên tập, sản xuất nội dung truyền thông, và thực hiện các phóng sự, điều tra. Giảng viên cần thiết kế các bài tập thực hành cụ thể để sinh viên có thể áp dụng những gì họ học được vào thực tế.

- **Thứ hai, phản hồi và hướng dẫn cá nhân**: Việc cung cấp phản hồi và hướng dẫn cá nhân là rất quan trọng trong quá trình giảng dạy các kỹ năng báo chí. Giảng viên cần cung cấp phản hồi sâu

chuỗi và cụ thể về các bài tập thực hành, giúp sinh viên hiểu và cải thiện kỹ năng của mình.

- **Thứ ba, môi trường học tập mô phỏng:** Tạo ra môi trường học tập mô phỏng gần với thực tế của ngành báo chí và truyền thông là cần thiết. Giảng viên có thể sử dụng các trường hợp nghiên cứu, mô phỏng các tình huống thực tế để giúp sinh viên làm quen và tự tin trong công việc sau này.
- **Thứ tư, sử dụng công nghệ và phương tiện hiện đại:** Các giảng viên cần sử dụng công nghệ và các phương tiện hiện đại trong quá trình giảng dạy, bao gồm cả phần mềm biên tập, các công cụ truyền thông xã hội, thiết bị sản xuất video, podcast, để giúp sinh viên làm quen và nâng cao kỹ năng kỹ thuật.
- **Thứ năm, khuyến khích sáng tạo và nghiên cứu độc lập:** Giảng viên cần khuyến khích sinh viên phát triển sự sáng tạo và nghiên cứu độc lập trong các dự án và bài tập thực hành. Điều này giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích, suy nghĩ sâu sắc và giải quyết vấn đề.
- **Thứ sáu, định hướng đam mê và nghề nghiệp:** Giảng viên cần cung cấp cho sinh viên cái nhìn rõ ràng về các cơ hội nghề nghiệp trong ngành báo chí và truyền thông, bao gồm cả các xu hướng và thay đổi trong ngành, để giúp sinh viên chuẩn bị sẵn sàng cho thị trường lao động.

2.3. Thực trạng và nhu cầu tiếp cận các môn học kỹ năng của sinh viên báo chí hiện nay

Dịch bệnh, suy thoái kinh tế, tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, những thay đổi trong nhu cầu tiêu dùng của khách hàng, ...tất cả đã trở thành thách thức lớn cho các ngành nghề truyền thống trong xã hội, ảnh hưởng lớn đến công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ thị trường lao động ở Việt Nam hiện nay. Trong khi một số ngành học không còn thu hút người học bởi đầu ra khá hẹp của báo chí - truyền thông số lại trở thành một trong những ngành hot nhất trong thời đại hiện nay bởi nó phù hợp với sự phát triển của xã hội mà thông tin đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, khác với báo chí truyền thống, báo chí trong thời đại công nghệ số đang có những bước phát triển nhảy vọt, nhanh chóng, sự phát triển của báo chí đi từ từ báo chí truyền thống sang báo chí đa nền tảng, báo chí đa phương tiện, báo chí dữ liệu, báo chí tự động đang đòi hỏi các nhà báo phải không ngừng học

hỏi, rèn luyện kỹ năng, đáp ứng mọi nhu cầu của hệ sinh thái số báo chí. Chính vì vậy, việc bổ sung các môn học kỹ năng vào chương trình đào tạo báo chí và thay đổi chương trình theo hướng ngày càng tiệm cận với nhu cầu của thị trường lao động ngày càng trở nên bức thiết.

Song song với sự thay đổi của thị trường, nhu cầu của người học cũng có những chuyển biến. Với đặc điểm của Gen Z - cụm từ dùng để chỉ các bạn trẻ sinh sau năm 2000 là thế hệ kết nối, “những đứa trẻ của thời đại công nghệ”, họ là nhóm những người có năng lực, sự sáng tạo và điều kiện để tạo ra các xu hướng mới cũng như dẫn dắt xu hướng của thời đại, việc tiếp cận các môn học kỹ năng, thực hành ra sản phẩm có sức hấp dẫn hơn rất nhiều so với học lý thuyết đơn thuần. Chính vì vậy, việc giảm bớt các môn học lý thuyết, tăng cường môn kỹ năng, thay đổi xen kẽ chương trình học giữa lý thuyết và thực hành đang là xu thế hiện nay của tất cả các cơ sở đào tạo báo chí trong cả nước. Tuy nhiên, làm thế nào để cân bằng giữa việc tạo ra một đội ngũ người làm báo thành thạo kỹ năng nhưng vẫn nắm chắc lý luận báo chí để đảm bảo báo chí không mất đi tính chiến đấu, tính định hướng và thực hiện đúng chức năng của báo chí thì cần phải xuất phát từ việc vận dụng các hệ thống lý thuyết để có nhận định đúng về đặc điểm và hành vi của người học để đề xuất những đưa ra những phương pháp phù hợp nhất trong điều kiện hiện tại.

2.4. Các lý thuyết áp dụng

2.4.1. Lý thuyết khuếch tán đổi mới (Diffusion of Innovations Theory)

Lý thuyết khuếch tán đổi mới (tiếng Anh: Diffusion Of Innovations Theory) được phát triển bởi Everett Rogers, một nhà lý luận truyền thông tại Đại học New Mexico năm 1962. Đây là một giả thuyết phác họa việc làm thế nào công nghệ mới lan rộng khắp xã hội, từ việc giới thiệu sản phẩm đến chấp nhận sử dụng sử dụng. Lý thuyết này giải thích một loạt các ý tưởng thông qua các giai đoạn áp dụng bởi các chủ thể khác nhau. Những nhóm chính trong lý thuyết khuếch tán đổi mới là: Nhóm công chúng đổi mới; Nhóm công chúng thích nghi nhanh; Nhóm công chúng chấp nhận sớm; Nhóm công chúng chấp nhận muộn; Nhóm công chúng lạc hậu. Lý thuyết khuếch tán đổi mới (Diffusion of Innovations Theory) của Everett Rogers (1962) là một khung lý thuyết quan trọng trong việc hiểu và

phân tích quá trình lan truyền các đổi mới trong xã hội. Áp dụng lý thuyết khuếch tán đổi mới để phân loại các nhóm sinh viên trong quá trình giảng dạy, từ đó đưa ra các hướng tiếp cận sinh viên khác nhau ở mỗi nhóm mà mục tiêu chính là đưa các nhóm sinh viên từ Nhóm công chúng lạc hậu, Nhóm công chúng chấp nhận muộn trở thành Nhóm công chúng chấp nhận sớm, Nhóm công chúng thích nghi nhanh và khích lệ cho sinh viên vốn đã thuộc những Nhóm đó tiến dần sang Nhóm công chúng đổi mới. Điều này vô cùng quan trọng trong quá trình đào tạo các môn kỹ năng cho ngành học báo chí, bởi lẽ người làm báo phải là người bắt kịp xu hướng, thậm chí tạo ra xu hướng mới trong xã hội, có như vậy mới làm tốt công tác định hướng, quản lý xã hội trong sự phát triển như vũ bão hiện nay của thế giới [4].

2.4.2. Lý thuyết học tập xã hội (Social learning theory)

Lý thuyết học tập xã hội được đề xuất bởi Albert Bandura (1977), trong lý thuyết của mình, ông cho rằng quan sát, bắt chước và hình mẫu hóa đóng một vai trò chủ đạo trong quá trình học tập của con người. Học thuyết này của ông kết hợp các thành tố từ thuyết hành vi – cho rằng hành vi của con người được quyết định bởi môi trường và các học thuyết về nhận thức – tập trung tìm hiểu những tác động mang tính tâm lý như khả năng chú ý và trí nhớ. Theo Albert Bandura các lý thuyết này mắc lỗi đó là vì nó đã đưa ra một giải thích không đầy đủ chứ không phải không chính xác về hành vi con người [1].

Có ba khái niệm cốt lõi trong trọng tâm của thuyết học tập xã hội: Con người có thể học tập qua quan sát; Trạng thái tinh thần bên trong là phần cốt yếu không thể thiếu được của quá trình này; Không phải bất kì điều gì quan sát và học được từ quan sát thì sẽ đồng nghĩa với việc một thay đổi trong hành vi sẽ xuất hiện.

Đầu tiên là ý tưởng cho rằng con người có thể học tập qua quan sát

Như đã trình bày ở trên, khác với các lý thuyết truyền thông cũ cho rằng con người phải được trải nghiệm mới có thể học được cái mới, lý thuyết học tập xã hội khẳng định chỉ thông qua quan sát con người cũng có thể học tập được các hành vi. Bandura đưa ra ba mô hình cơ bản của học tập qua quan sát:

- *Thứ nhất*, một hình mẫu sống, tức là một thực thể thực hiện một hành vi.

- *Thứ hai*, một hình mẫu hướng dẫn bằng lời nói, ở đây chính là những mô tả và giải thích cho hành vi đó.

- *Thứ ba*, một hình mẫu mang tính hình tượng, tức là một nhân vật có thật hoặc giả tưởng thực hiện hành vi trong phim ảnh, sách báo, chương trình truyền hình hoặc phương tiện truyền thông trực tuyến.

Quan niệm cốt lõi thứ hai cho rằng các trạng thái tinh thần đóng vai trò quan trọng đối với quá trình học tập

Có thể thấy thông qua các thí nghiệm và thực tiễn rằng, chỉ quan sát hành động của người khác không phải lúc nào cũng đủ để đưa đến việc học tập hành vi. Trạng thái tinh thần và động lực hiện tại cũng đóng vai trò quan trọng giúp xác định liệu hành vi nào đó có được học tập hay không. Mặc dù các học thuyết về hành vi trước đó khẳng định chính những thứ tác động từ bên ngoài là cái tạo nên việc học tập một hành vi nào đó. Tuy nhiên, Bandura lại nhận ra rằng sự củng cố và gia tăng cho quá trình học tập không phải lúc nào cũng đến từ các hành vi bên ngoài. Bandura lưu ý rằng, sự củng cố từ môi trường bên ngoài không phải là yếu tố duy nhất ảnh hưởng đến hành vi và quá trình học tập hành vi mới của con người mà động lực từ bên trong mới là yếu tố quyết định. Từ đó, lý thuyết này cũng đưa ra tầm quan trọng của việc xây dựng và củng cố các động lực bên trong của con người nhằm hướng tới việc đạt các mục tiêu trong học tập hành vi.

Theo lý thuyết này, năng lực vượt trội của con người là một yếu tố khác quyết định không chỉ một người sẽ bị ảnh hưởng như thế nào bởi những trải nghiệm của mình mà còn cả hướng đi, hành động trong tương lai mà người đó có thể thực hiện. Họ dùng chính những thứ họ quan sát được để nhìn thấy trước những hậu quả có thể xảy ra từ đó thay đổi hành vi của mình cho phù hợp. Điều này khiến con người có được những suy nghĩ, hành động sâu sắc và có tầm nhìn xa hơn.

Quan niệm thứ ba trong học thuyết của Bandura nhấn mạnh: học tập không phải nhất thiết lúc nào cũng đưa đến sự thay đổi trong hành vi

Như đã lưu ý, không phải tất cả các hành vi quan sát được đều được học thành công mà khả năng thành công còn phụ thuộc vào mô hình học tập và đối tượng người học. Ngoài ra, một số yêu cầu và tiến

trình nhất định cũng cần được tuân theo.

- Thứ nhất là sự chú tâm. Quá trình học tập đòi hỏi sự chú tâm của đối tượng học tập. Bất kỳ điều gì làm xao nhãng sự tập trung của người học cũng sẽ tạo hiệu ứng tiêu cực lên học tập. Vậy làm thế nào để tạo ra sự chú tâm, các nghiên cứu chỉ ra rằng, nếu hình mẫu học tập thú vị hoặc có những tình huống mang tính mới mẻ, kích thích sự tò mò thì khả năng rất cao là người học sẽ tập trung nhiều hơn vào việc học.
- Thứ hai là khả năng ghi nhớ. Ghi nhớ và lưu trữ thông tin là một trong những phần quan trọng trong quá trình học tập. Việc ghi nhớ có thể bị ảnh hưởng bởi một số yếu tố cả khách quan lẫn chủ quan nhưng khả năng truy xuất lại thông tin về sau và xử lý dựa trên thông tin đó là yếu tố mang tính sống còn đối với quá trình học tập quan sát.
- Thứ ba là mô phỏng hành vi. Một khi người học đã đáp ứng được hai yêu cầu kể trên: tập trung vào mô hình và lưu giữ được thông tin thì đã đến lúc thực sự thực hiện hành vi đã quan sát được. Việc luyện tập và thực hành thường xuyên cũng khiến cải thiện và tăng cường kĩ năng thực hiện các hành vi đã học được.

Cuối cùng là động lực. Để học tập qua quan sát thành công, người học cần có động lực để bắt chước

lại hành vi đã được hình mẫu hóa.

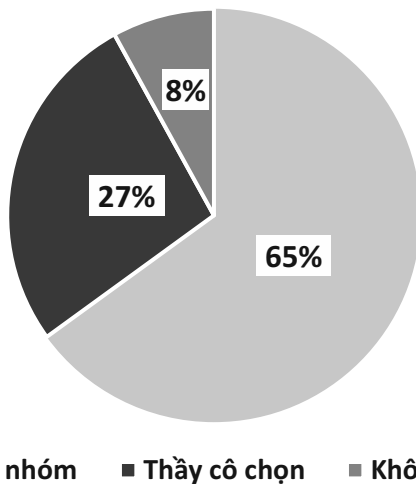
Ứng dụng lý thuyết học tập xã hội trong nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy các môn học kỹ năng cho sinh viên ngành báo chí sẽ giúp cho giảng viên trả lời được câu hỏi: Dạy lý thuyết hay cho sinh viên học lý thuyết từ việc quan sát quá trình sản xuất sản phẩm báo chí sẽ giúp sinh viên làm tốt hơn? Làm thế nào để tạo ra động lực để sinh viên thực hành tốt kỹ năng? Làm sao để sinh viên vận dụng tốt kỹ năng sau khi được học?

2.4.3. Các phương pháp áp dụng đối với việc giảng dạy các môn kỹ năng

Ứng dụng hai lý thuyết: Khuyết tán đổi mới và Học tập xã hội, tác giả đã áp dụng các phương pháp sau đây trong việc giảng dạy các môn học kỹ năng cho sinh viên ngành báo chí nhằm đạt hiệu quả tốt nhất trong hoạt động giảng dạy và học tập

Phân chia nhóm hợp lý, đáp ứng yêu cầu môn học

Đối với những môn học kỹ năng, việc ứng dụng kỹ thuật, áp dụng các xu hướng báo chí mới là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, trong một lớp học bao giờ cũng sẽ có nhiều nhóm sinh viên khác nhau với năng lực và trình độ tiếp nhận khác nhau. Theo khảo sát 100 sinh viên (tháng 4/2024) về cách thức làm việc nhóm trong các môn học kỹ năng thực hành báo chí cho thấy kết quả như sau:



Hình 1. Ý kiến về việc phân chia Nhóm trong hoạt động làm việc nhóm (04/2024)

Bảng 1. Ý kiến của sinh viên về lý do tự chọn Nhóm trong hoạt động làm việc nhóm (04/2024)

Lý do tự chọn Nhóm	Số lượng	Cơ cấu (%)
Các thành viên đã quen thuộc, dễ làm việc	75	75
Tránh làm việc với những người không thích	20	20
Chủ động	5	5
Tổng	100	100

Theo kết quả trên có thể thấy, đa số sinh viên có nhu cầu được tự phân chia Nhóm trong hoạt động làm việc nhóm, lý do đưa ra là các thành viên đã quen thuộc, dễ làm việc cùng nhau (75% ý kiến). Tuy nhiên, để đạt hiệu quả làm việc nhóm tốt nhất, quá trình phân nhóm, việc chia nhóm như thế nào phải thuộc về giảng viên, tránh để sinh viên tự lựa chọn nhóm của mình. Có nhiều lý do để việc chọn nhóm phải thuộc về giảng viên. Thứ nhất, trong thực tế công việc, việc buộc phải làm việc với những người mình chưa từng biết thậm chí có hiềm khích là điều hiển nhiên, do đó, sinh viên phải học cách để làm việc nhóm chứ không phải lựa chọn nhóm an toàn. Thứ hai, khi chủ động sắp xếp nhóm, giảng viên có thể phân chia các bạn sinh viên thuộc các nhóm lạc hậu, chấp nhận muộn cùng các bạn thuộc nhóm chấp nhận sớm, thích nghi nhanh, đổi mới để các bạn học tập lẫn nhau, từ đó có thể giúp các nhóm dung hòa được nhịp độ tiếp nhận cái mới. Bên cạnh đó, giảng viên cũng cần tận dụng ưu điểm của Nhóm lạc hậu, chậm đổi mới đó là sự cẩn trọng để hạn chế sự vội vã, thiếu cân nhắc trong việc tiếp nhận cái mới dẫn đến sai sót hoặc bị động khi quá phụ thuộc vào công nghệ hoặc xu hướng truyền thông mới.

Tạo điều kiện cho sinh viên quan sát, học tập từ các chuyên gia

Để giúp cho các bạn tiếp cận nhanh nhất kỹ năng cần thiết của các môn học thực hành không gì hiệu quả bằng học từ những người “thợ lành nghề”. Rõ ràng, không ai có thể truyền thụ kinh nghiệm công việc tốt hơn một người đang hoạt động trong lĩnh vực đó. Đây chính là “hình mẫu” tiêu chuẩn trong học tập qua quan sát mà Lý thuyết học tập xã hội đề cập. Đối với những người làm công tác báo chí, kinh nghiệm là điều vô cùng quý giá để có thể từng bước trưởng thành trong nghề nghiệp. Để giúp sinh viên tránh được những bỡ ngỡ khi từ giảng đường bước tới thực tế công việc, trong các môn thực hành, kỹ năng nghề nghiệp, giảng viên luôn cố gắng mời các chuyên

gia, những phóng viên, biên tập viên đến chia sẻ kiến thức, truyền thụ kinh nghiệm cho sinh viên.

Giáo trình giảng dạy là nền tảng lý luận vững chắc để sinh viên có thể tiếp cận với các kiến thức chuyên ngành, tuy nhiên, việc nắm bắt những xu hướng mới cũng là điều cần thiết đối với người học trong lĩnh vực báo chí – truyền thông. Rõ ràng, những người trực tiếp làm nghề sẽ nhạy cảm và cập nhật tốt hơn những thay đổi của trong nhu cầu của công chúng, chính vì vậy, khi học từ các chuyên gia, sinh viên với nền tảng lý luận sẵn có sẽ được lĩnh hội thêm các xu hướng của thị trường báo chí hiện đại. Bên cạnh đó, khác với việc học lý thuyết đơn thuần, cái mà những chuyên gia mang tới là câu chuyện thực tiễn, những khó khăn, vấp ngã trong chuyện nghề của chính bản thân họ. Ths, GV Nguyễn Ngọc Hạnh My – Giảng viên môn Lập kế hoạch dự án truyền thông (ĐH Quốc tế Hồng Bàng) cũng cho biết: *“Bản thân giảng viên trong quá trình giảng dạy đã cung cấp đủ các kiến thức nền tảng về lý thuyết cho sinh viên, đó là những lý thuyết đã được tổng hợp từ nhiều nguồn và cập nhật liên tục những xu hướng mới trong lĩnh vực báo chí truyền thông. Tuy nhiên, mỗi lĩnh vực, ngành nghề đều có những vấn đề riêng mà chỉ những người thực sự làm nghề, trải nghiệm với nghề mới có thể chia sẻ và chỉ dẫn cụ thể. Chính vì vậy, bản thân tôi khi giảng dạy các môn thực hành kỹ năng nghề nghiệp đều cố gắng liên hệ các chuyên gia để hỗ trợ cho sinh viên cũng như đánh giá kết quả của sinh viên một cách khách quan nhất”*.

Chúng tôi cũng đã tiến hành khảo sát ý kiến của sinh viên về những lợi ích khi được học cùng các chuyên gia trong lĩnh vực báo chí, truyền thông. Theo kết quả khảo sát, các bạn sinh viên cho rằng, những điều sinh viên học được từ chuyên gia không chỉ là kiến thức nghề mà còn là cách ứng xử với những tình huống thực tế mà họ gặp phải trong quá trình tác nghiệp từ đó tự chiêm nghiệm và rút ra bài học cho bản thân mình.

Bảng 2. Ý kiến của sinh viên về lợi ích của việc học từ các chuyên gia (04/2024)

Ý kiến của sinh viên	Số lượng
Ngoài kiến thức nghề nghiệp còn học được cách ứng xử với các tình huống	58
Hiểu được thực tiễn thị trường lao động	38
Mở rộng mối quan hệ	52

Việc tiếp cận các chuyên gia, những người trực tiếp tham gia trong các hoạt động báo chí không chỉ là cơ hội lớn để học nghề mà còn tạo cơ hội mở rộng mạng lưới quan hệ cần thiết để hỗ trợ công tác nghề nghiệp trong tương lai cho các bạn sinh viên. Ngoài việc trao đổi kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm, các chuyên gia do giảng viên mời tới luôn sẵn sàng giúp đỡ các bạn sinh viên trong quá trình làm nghề, tạo điều kiện cho các bạn thực hành nghề thông qua các hoạt động thực tế, giới thiệu các bạn vào các vị trí công việc phù hợp với năng lực.

Học từ chính sản phẩm lỗi

Song song với việc học từ các chuyên gia, sinh viên còn được yêu cầu phải tự thực hành và tạo ra các sản phẩm riêng của mình. Không còn những buổi học lý thuyết đơn thuần với mô hình giảng viên nói – sinh viên tiếp thu, cũng không còn những sản phẩm chỉ thể hiện trên giấy mà là những sản phẩm thực tế, có tính ứng dụng.

Để giúp sinh viên có thể hiểu và nắm bắt tốt các môn học thực hành, ngay từ những buổi học đầu tiên, các bạn đã phải bắt tay vào làm các sản phẩm và thực hiện các thao tác nghề nghiệp như một người làm báo thực sự. Loại bỏ tâm lý sợ sai, ngại vì chưa từng thử làm qua, giảng viên đã cố gắng tạo điều kiện và hướng dẫn các bạn từng bước tiến hành các hoạt động nghề nghiệp. Quá trình tự học, tự trải nghiệm từ việc thực hành sẽ giúp cho các bạn nhanh chóng tiến bộ và nắm bắt được các kỹ năng một cách thành thạo. Tất nhiên, quá trình đó không phải là để sinh viên tự mò mẫm mà là quá trình tự học theo đúng bản chất của giáo dục đại học hiện nay: tự tìm hiểu kiến thức dưới sự hướng dẫn của thầy cô giáo. Để sinh viên có thể tạo ra được một sản phẩm cần phải tiến hành từng bước, mỗi bước sẽ do chính các bạn sinh viên đưa ra ý tưởng, lên kế hoạch. Để sản phẩm có thể được hoàn thành tốt nhất, giảng viên và các chuyên gia sẽ cùng lắng nghe ý tưởng của các bạn, đưa ra những nhận xét, góp ý, điều chỉnh dựa trên kế hoạch của sinh viên. Mỗi buổi nhận xét góp ý cũng là một buổi học lý thuyết dựa trên sản phẩm thực tế của chính các bạn. Phương pháp giảng dạy này không chỉ hỗ trợ cho các bạn trong việc thực hành tạo ra sản phẩm riêng của mình mà còn giúp các bạn vận dụng kiến thức lý luận trong hoạt động thực tiễn.

Trên thực tế, vì phải thực hiện các sản phẩm thực hành khi chưa có nhiều nền tảng kiến thức từ các tiết học lý thuyết nên đôi khi sản phẩm của sinh viên chưa thực sự hoàn thiện, thậm chí có rất nhiều lỗi trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, lỗi sai là cái cần thiết phải có trong quá trình này. Việc bắt tay vào làm giúp sinh viên biết mình còn yếu và thiếu ở những điểm nào, cần phải bổ sung kiến thức, kỹ năng hoặc thậm chí rèn luyện và thay đổi cả thái độ ứng xử đối với những tình huống cụ thể phát sinh trong quá trình làm việc. Rõ ràng, việc phát hiện lỗi sai và điều chỉnh, rút kinh nghiệm sẽ giúp cho sinh viên học thêm được nhiều điều hơn là chỉ học lý thuyết từ giáo trình. Th.s, GV Lê Nguyễn Phương Thảo (Trường ĐH Khoa học, ĐH Huế) – giảng viên môn Tổ chức sự kiện cho biết: “*Việc các bạn sinh viên làm sai, làm không đúng yêu cầu trong quá trình học là chuyện không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà ngại cho các bạn làm ra sản phẩm hoặc đợi học hoàn thiện lý thuyết mới cho các bạn thực hành, cá nhân tôi cho rằng, vừa học, vừa thực hành, trong quá trình thực hành phân tích các lỗi sai, nêu ra các vấn đề để tìm cách giải quyết là cách học hiệu quả nhất*” [5].

Nhà nghiên cứu giáo dục V.O.Kon (1976) cũng cho rằng: Dạy học nêu vấn đề là toàn bộ các hoạt động như tính chất, tình huống có vấn đề, biểu đạt các vấn đề. chú ý giúp đỡ sinh viên những điều cần thiết để giải quyết vấn đề, kiểm tra cách giải quyết đó và cuối cùng là quá trình hệ thống hóa, củng cố các kiến thức tiếp thu [6].

Thúc đẩy động lực từ sự cạnh tranh

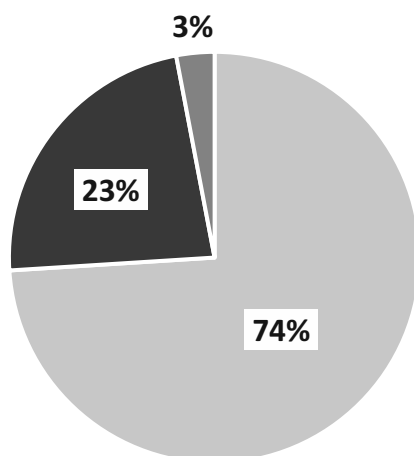
Đối thủ cạnh tranh luôn là một người thầy lớn của chúng ta, hơn ai hết, họ giúp chúng ta thấy được những điểm mạnh và điểm yếu của chính bản thân mình. Chính vì vậy, tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh là điều cần thiết trong quá trình giảng dạy cho các bạn sinh viên, bởi lẽ, thực tế của thị trường lao động cho thấy một thị trường thực sự có giá trị là thị trường luôn tồn tại sự cạnh tranh.

Làm việc nhóm là phương pháp giảng dạy được áp dụng phổ biến hiện nay trên giảng đường đại học, đặc biệt đối với các ngành học xã hội, bởi lẽ kỹ năng làm việc nhóm là vô cùng cần thiết đối với những người làm việc trong các lĩnh vực xã hội

trong đó có báo chí – truyền thông. Chính vì vậy, đối với các môn học thực hành, sinh viên thường được chia thành các nhóm, giảng viên sẽ làm việc với từng nhóm, phân công nhiệm vụ và nghiệm thu sản phẩm theo nhóm. Để kích thích các nhóm tạo ra sản phẩm tốt nhất có thể, giảng viên sẽ yêu cầu sự cạnh tranh giữa các nhóm trong quá trình học. Mỗi nhóm đều phải tiến hành báo cáo hoạt động theo đúng thời gian quy định. Việc báo cáo của các nhóm được tiến hành công khai, khi một nhóm báo cáo, các nhóm còn lại lắng nghe sau đó nêu góp ý, nêu quan điểm và trình bày ý kiến của mình đối với sản phẩm. Quá trình này không chỉ giúp sinh viên học tập lẫn nhau mà còn để các bạn nhìn thấy được sự nỗ lực và cố gắng của mỗi cá nhân trong cùng một tập thể từ đó biết được bản thân mình đang ở vị trí nào, có năng lực ra sao so với những bạn còn lại

để tiếp tục tự hoàn thiện bản thân mình.

Các sản phẩm cuối kì của môn học cũng được trình bày công khai và có sự tham gia của các chuyên gia đã từng giảng dạy và hỗ trợ sinh viên. Điểm số của các môn học này không chỉ là điểm của sản phẩm cuối cùng mà là điểm của cả một quá trình của sinh viên, được đánh giá bởi giảng viên giảng dạy chính, các chuyên gia và của chính các bạn sinh viên. Mục tiêu của các môn học kỹ năng là ghi nhận sự tiến bộ qua từng tiết học, sự hoàn thiện về kiến thức của từng sinh viên cả về mặt lý thuyết và thực hành. Phương pháp đánh giá này cũng nhận được sự tán đồng của sinh viên (74% ý kiến đồng ý với phương pháp này) bởi lẽ xuất phát điểm, năng lực và kỹ năng của mỗi sinh viên không giống nhau, do đó, việc đánh giá cũng phải dựa trên sự nỗ lực của mỗi sinh viên.



■ Đánh giá cả quá trình ■ Chỉ đánh giá sản phẩm cuối cùng ■ Ý kiến khác

Hình 2. Kết quả khảo sát việc đánh giá kết quả của các môn học kỹ năng báo chí (04/2024)

Việc quan sát đối thủ cạnh tranh sẽ tạo ra động lực bên trong cho quá trình học tập của các bạn sinh viên, bởi lẽ sinh viên sẽ tự ý thức trong việc làm thế nào để thể hiện bản thân một cách tốt nhất. Động lực này chính là điều vô cùng quan trọng của quá trình học tập. Bên cạnh đó, việc khen thưởng không chỉ từ điểm số mà từ chính sự công nhận của các “hình mẫu” – những chuyên gia mà các bạn ngưỡng mộ sẽ là nguồn động viên lớn nhất để các bạn tiếp tục nỗ lực phấn đấu trong quá trình học tập.

Như vậy, cả bốn yếu tố khiến cho việc học tập qua quan sát có hiệu quả: sự chú tâm, khả năng ghi nhớ, mô phỏng hành vi và động lực đều được

đảm bảo trong quá trình học tập các môn kỹ năng khi thực hiện các phương pháp này. Do đó, đây chính là điều kiện vô cùng quan trọng để quá trình học tập trở nên dễ dàng và đạt hiệu quả ngay sau khi kết thúc môn học. Từ đó, sinh viên hoàn toàn có thể vận dụng những kỹ năng đã được học và ghi nhớ trong quá trình học để áp dụng trong công việc thực tiễn về sau này.

3. KẾT LUẬN

Xã hội thay đổi, môi trường làm việc thay đổi buộc công tác giảng dạy cũng cần phải thay đổi. Việc nhận biết thị trường lao động phải đi song hành với đánh giá đúng người học tại cơ sở đào tạo mà

mình đang tham gia giảng dạy. Mỗi người học, mỗi môi trường học tập sẽ có một đặc trưng riêng, tuy nhiên, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng thường lại không quan tâm đến vấn đề này, họ chỉ quan tâm đến chất lượng người lao động. Vậy, vai trò của giảng viên và cơ sở đào tạo chính là làm thế nào để san bằng khoảng cách giữa sinh viên và người lao động mà thị trường cần với xuất phát điểm không đồng nhất của mỗi sinh viên. Do đó, nếu không đổi mới phương pháp sẽ rất khó tiếp cận từng sinh viên, nắm được vấn đề và khúc mắc của từng người học để tạo ra động lực phù hợp với từng cá nhân.

Theo kết quả khảo sát sinh viên cuối mỗi môn học được thực hiện bởi Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục của trường Đại học Khoa học, Đại học Huế cho biết 91.7% sinh viên phản hồi tích cực với phương pháp giảng dạy mới của các môn học Sản xuất chương trình truyền hình, Kỹ năng dẫn chương trình phát thanh – truyền hình, Tổ chức sự kiện, Sản xuất chương trình phát thanh, Kỹ năng điều tra, Kỹ năng phỏng vấn,... Đa số các ý kiến cho rằng, sinh viên đã được cung cấp đủ kiến thức lý thuyết và thực hành để tạo ra sản phẩm sau khi kết thúc môn học. Một số ý kiến

khác mong muốn thay đổi việc đánh giá quá trình làm việc nhóm, cần phải có những tiêu chí cụ thể hơn trong việc đánh giá kết quả làm việc của các cá nhân nhằm đảm bảo sự công bằng trong việc đánh giá kết quả công việc.

Có thể thấy rằng, việc đổi mới phương pháp giảng dạy sẽ cần rất nhiều sự đầu tư, tâm huyết của giảng viên bởi lẽ việc mời các chuyên gia, sửa lỗi hay ghi nhớ sự tiến bộ của từng sinh viên không phải là điều dễ dàng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy rằng, điều này mang lại những hiệu quả nhất định trong việc dạy và học các môn kỹ năng hiện nay. Các bạn sinh viên có thêm nhiều cơ hội học tập, thực hành nghề nghiệp, sử dụng các phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất sẵn có của các cơ sở đào tạo để tăng thêm kỹ năng và kinh nghiệm. Những sản phẩm thực hành trên giảng đường cũng mang đến các cơ hội nghề nghiệp cho các bạn khi doanh nghiệp, cơ quan báo chí nhận thấy được năng lực của sinh viên qua các sản phẩm này. Chính những điều này là động lực để đội ngũ giảng viên không ngừng học tập, nghiên cứu, đổi mới liên tục các phương pháp giảng dạy để có thể đáp ứng tối đa nhu cầu của người học và thị trường lao động hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Albert Bandura (1977), *Social learning Theory*, Stanford University, 1977.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục*, 2017.

[3] Nguyễn Văn Cường, *Phát triển năng lực thông qua phương pháp và phương tiện dạy học mới*,

Nxb Đại học Sư phạm, 2005.

[4] Everett Rogers, *Diffusion of Innovations Theory*, Routledge, 2008.

[5] Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, *Chương trình đào tạo Đại học – ngành Báo chí – Mã số: 7320101 (Điều chỉnh bổ sung)*, 2022

[6] V.O.Kon, *Những cơ sở dạy học nêu vấn đề*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1976.

Teaching methods for journalism skills courses: Approaching from the theories of diffusion of innovations and social learning theory

Tran Thi Phuong Nhung

ABSTRACT

Improving student's capacity in skill subjects to meet the requirements of the current labor market is an issue of special concern to journalism training institutions. The article investigated the current situation ad

needs of students. Besides, there are findings from the perspective of two theories: Diffusion of Innovations Theory and Social learning Theory. The article analyzed the characteristics of student groups and the requirements in the learning process. From there, we propose to apply methods for teaching skills subjects for students majoring in journalism.

Keywords: *Diffusion of innovations theory, Journalism skill, social learning theory, teaching method*

Received: 15/05/2024

Revised: 21/07/2024

Accepted for publication: 23/07/2024